STT	Tên ngành	Họ tên	Xếp hạng	Tổ hợp xét	Môn 1	Điểm môn 1	Môn 2	Điểm môn 2	Môn 3	Điểm môn 3	Điểm ưu tiên	Điểm ưu tiên quy đổi	Điểm KK quy đổi	Tổng điểm
1	Tiếng Trung Quốc	HOÀNG THỊ KIM OANH	1	D01	TO	6.5	VA	7.25	N1	2.75	3.50	3.50	0.00	20.00
2	Tiếng Trung Quốc	LÝ THỊ THU	2	D14	VA	6.25	SU	6.75	N1	3.25	3.50	3.50	0.00	19.75
3	Tiếng Trung Quốc	PHẠM KHẮC NAM	3	D01	TO	7	VA	6	N1	3.25	1.50	1.50	0.00	17.75
4	Tiếng Trung Quốc	VI THỊ TRINH	4	D01	TO	6.25	VA	4.5	N1	3.25	3.50	3.50	0.00	17.50
5	Tiếng Trung Quốc	NÔNG HIỀN LƯƠNG	5	D01	TO	4	VA	6.5	N1	3.25	3.50	3.50	0.00	17.25